

MỘT SỐ YẾU TỐ KHÁCH QUAN TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐỊNH KIẾN GIỚI ĐỐI VỚI CÁN BỘ NỮ LÃNH ĐẠO CẤP CƠ SỞ

Nguyễn Thị Thu Hà

Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương.

1. Đặt vấn đề

Sự tồn tại của định kiến giới nói chung và định kiến giới với cán bộ nữ lãnh đạo nói riêng là một thực tế không thể phủ nhận. Nghiên cứu lý luận đã chỉ ra rằng, định kiến giới phần nhiều là do con người tiếp thu, củng cố trong quá trình sống, suy nghĩ và hoạt động. Định kiến giới chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan, chủ quan.

Tiếp thu quan điểm của những người đi trước, chúng tôi cho rằng, *định kiến giới đối với cán bộ nữ lãnh đạo cấp cơ sở là sự nhìn nhận, phán xét, đánh giá mang tính tiêu cực, bất hợp lý về những đặc điểm phẩm chất, năng lực trong hoạt động quản lý lãnh đạo của cán bộ nữ lãnh đạo cấp cơ sở.* Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xem xét một số yếu tố khách quan tác động đến định kiến giới đối với cán bộ nữ lãnh đạo cấp cơ sở như truyền thống đại chúng, giáo dục gia đình, giáo dục trường học, quan hệ bạn bè, phân công công việc ở cơ quan và ảnh hưởng của văn hoá truyền thống. Đó là những nhân tố khách quan tác động đến nhận thức của mỗi cá nhân và nhóm người để hình thành nên ở họ những nhận thức chung, những nét tính cách dựa trên những khuôn mẫu chung có sẵn của giới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng số liệu điều tra thực địa được tiến hành tại Thái Nguyên - đại diện tỉnh miền núi, Hà Nội - đại diện thành phố và Hưng Yên - đại diện tỉnh đồng bằng. Hai phương pháp chính được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Chúng tôi đã sử dụng bảng hỏi tự điền trên 431 khách thể (220 nam và 211 nữ) là cán bộ huyện (114 người), cán bộ xã/phường (150 người) và người dân (167 người).

Để nghiên cứu tác động của 6 nhân tố khách quan đến định kiến giới, chúng tôi xây dựng và tính điểm cho các mệnh đề. Mỗi mệnh đề có 4 phương án trả lời ứng với điểm số như sau: “Hoàn toàn sai”: 1 điểm; “Phần lớn là sai”: 2 điểm; “Phần lớn là đúng”: 3 điểm; “Hoàn toàn đúng”: 4 điểm.

3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả của chúng tôi cho thấy một thực trạng sau khi xử lý số liệu, tính điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) của các tiêu chí, chúng ta có thể thấy ra các biểu hiện cụ thể sau:

Bảng 1: Các yếu tố tác động đến định kiến giới đối với cán bộ nữ lãnh đạo cấp cơ sở

Các mệnh đề	ĐTB	ĐLC
Phương tiện truyền thông đại chúng:		
1. Trên các phương tiện truyền thông, phụ nữ thường có vai trò chăm sóc GD, con cái và công việc nội trợ	3.14	0.63
2. Hình ảnh phụ nữ thành đạt trong phim, kịch, phóng sự còn quá ít ỏi so với hình ảnh phụ nữ truyền thống	2.24	0.73
3. Hình ảnh nam giới gắn với cương vị chuyên gia lãnh đạo còn phụ nữ chỉ là cấp dưới, thư kí hoặc người thừa hành	2.10	0.57
4. Hình ảnh phụ nữ thành đạt trong công việc thường đi liền với sự thất bại trong hạnh phúc gia đình, tình yêu lứa đôi	2.35	0.71
5. Những người phụ nữ trong quảng cáo thường gắn với sữa bột, bột giặt, máy giặt, dầu ăn, nước tẩy sàn nhà...	3.25	0.67
6. Nam giới được quảng cáo trên truyền hình gắn với các sản phẩm khoa học kĩ thuật, máy móc công nghệ cao	2.70	0.65
7. Hình ảnh quảng cáo trên truyền hình đập khuôn theo vai trò truyền thống	2.77	0.59
Phân công công việc ở cơ quan:		
1. Khi phải đi công tác xa, lãnh đạo cơ quan thường phân công cho nam giới	2.29	0.66
2. Khi đi xin việc, nam giới thường được ưu tiên hơn phụ nữ	3.00	0.54
3. Trong cơ quan, những việc nặng nhọc, vất vả thường do nam giới đảm nhận	3.00	0.58
4. Trong cơ quan, việc rửa chén, quét nhà, đun nước là công việc của phụ nữ	2.39	0.68
5. Cơ quan có nhiều phụ nữ thường phức tạp	1.81	0.67
6. Ở cơ quan tôi, những công việc liên quan đến văn hoá, văn nghệ, vui chơi thường được giao cho phụ nữ	2.60	0.71
Văn hoá truyền thống:		
1. Phụ nữ Việt Nam hiện nay nên thực hiện những giá trị Công - Dung - Ngôn - Hạnh của người phụ nữ Việt Nam truyền thống	3.26	0.64
2. Nam giới nên lấy sự nghiệp làm trọng	2.70	0.75

3. Chức năng của người phụ nữ là sinh con, chăm sóc con cái, làm các công việc GD	2.77	0.73
4. Phụ nữ không nhìn xa trông rộng bằng nam giới	2.56	0.73
5. Phụ nữ thường không làm được những việc lớn	2.88	0.66

ĐTB của các yếu tố thấp nhất là 2,51 và cao nhất là 2,87. ĐTB của toàn bộ thang đo về các yếu tố khách quan tác động đến định kiến giới đạt 2,72. Như vậy, nhìn chung ĐTB của các yếu tố cũng như của toàn bộ thang đo này đã vượt qua ngưỡng trung bình. Ngày nay, truyền thông đại chúng đã trở thành một phương tiện hữu ích đối với con người trong việc nắm bắt tin tức. Ngay từ nhỏ, trẻ em đã được tiếp xúc khá nhiều với các phương tiện này. Nói chung, truyền thông đại chúng mà đặc biệt thông tin trên truyền hình có tác động mạnh đến nhận thức, thái độ, quan điểm của mỗi người. Qua phương tiện báo hình này, “những khuôn mẫu giới, định kiến giới với phụ nữ chứa đựng trong ngôn từ và hình ảnh, một cách gần như “vô hình” phía sau các thông tin” [Trần Thị Minh Đức, 2006, tr.132] có những tác động nhất định tới định kiến giới của khán giả. Tuy nhiên, các phương tiện truyền thông đại chúng còn có không ít “cách nhìn một chiều, rập khuôn, mang nặng định kiến đối với phụ nữ” [Trần Thị Vân Anh, 2000, số 5, tr.7].

Số liệu trong bảng 1 cho thấy hai ý kiến được số lượng khách thể tán thành nhiều nhất là “Những người phụ nữ trong quảng cáo thường gắn với sữa bột, bột giặt, máy giặt, dầu ăn, nước tẩy sàn nhà...” (ĐTB = 3,25), “Trên các phương tiện truyền thông, phụ nữ thường có vai trò chăm sóc gia đình, con cái và công việc nội trợ” (ĐTB = 3,14). Tiếp đến là hai ý kiến “Hình ảnh quảng cáo trên truyền hình dập khuôn theo vai trò truyền thống” (ĐTB = 2,77) và “Nam giới được quảng cáo trên truyền hình gắn với các sản phẩm khoa học kỹ thuật, máy móc công nghệ cao” (ĐTB = 2,70). Năm mệnh đề này đều có điểm số vượt ngưỡng trung bình lý tưởng (2,5 điểm). Ba mệnh đề có điểm số dưới trung bình. Đó là “Hình ảnh phụ nữ thành đạt trong công việc thường đi liền với sự thất bại trong hạnh phúc gia đình, tình yêu lứa đôi” (ĐTB = 2,35); “Hình ảnh phụ nữ thành đạt trong phim, kịch, phóng sự còn quá ít ỏi so với hình ảnh phụ nữ truyền thống” (ĐTB = 2,24) và “Hình ảnh nam giới gắn với cương vị chuyên gia lãnh đạo; phụ nữ chỉ là cấp dưới, thư ký hoặc người thừa hành” (ĐTB = 2,10).

Định kiến giới còn thể hiện ngay ở nơi làm việc, cũng như qua những đánh giá về vai trò, vị trí của đồng nghiệp nam và nữ. Mặc dù hầu như mọi người không tán thành với nhận định “Cơ quan có nhiều phụ nữ thường phức tạp” (ĐTB = 1,81) và “Trong cơ quan, việc rửa chén, quét nhà là việc của phụ nữ” (ĐTB = 2,39); song mệnh đề “Ở cơ quan tôi, những công việc liên quan đến văn hoá, văn nghệ, vui chơi thường được giao cho phụ nữ” cũng vượt qua ngưỡng ĐTB (ĐTB = 2,60); đặc biệt hai mệnh đề “Khi đi xin việc, nam giới

thường được ưu tiên hơn phụ nữ” và “Trong cơ quan, những việc nặng nhọc, vất vả thường do nam giới đảm nhận” đạt ĐTB là 3. Có thể nói rằng, dường như khi tuyển lựa nhân viên, người ta vẫn có sự ưu tiên đối với nam giới và sự phân chia vai trò của nam và nữ vẫn được duy trì theo lối truyền thống.

Số liệu trong bảng 1 cũng cho thấy hầu hết các tư tưởng truyền thống được liệt kê đều được tán thành ở những mức độ khác nhau. Mệnh đề có ĐTB cao nhất là “Phụ nữ Việt Nam hiện nay nên thực hiện những giá trị Công - Dung - Ngôn - Hạnh của người phụ nữ Việt Nam truyền thống” (ĐTB = 3,26). Tiếp đến là ba mệnh đề “Phụ nữ thường không làm được những việc lớn” (ĐTB = 2,88); “Chức năng của người phụ nữ là sinh con, chăm sóc con cái, làm các công việc gia đình” (ĐTB = 2,77) và “Nam giới nên lấy sự nghiệp làm trọng” (ĐTB = 2,70). Mệnh đề “Phụ nữ không nhìn xa trông rộng bằng nam giới” có ĐTB thấp nhất, nhưng cũng vượt ngưỡng trung bình (ĐTB = 2,56).

Dường như những định hướng giá trị truyền thống đối với nam nữ vẫn được duy trì dai dẳng trong tư tưởng mỗi người. Nó được thể hiện ở chỗ, phần lớn người ta vẫn cho rằng, phụ nữ nên quan tâm tới việc chăm sóc gia đình, còn nam giới nên quan tâm tới sự nghiệp. Những đánh giá về khả năng con người cũng chịu ảnh hưởng của những định kiến về giới như phụ nữ ít làm được những việc lớn, ít nhìn xa trông rộng như nam giới.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Vân Anh (2000). *Định kiến giới và các hình thức khắc phục*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, (số 5), tr.3 - 10.
2. Trần Thị Minh Đức chủ biên (2006). *Định kiến và phân biệt đối xử theo giới - lý thuyết và thực tiễn*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Helle Rydstroom (1999). *Báo cáo nghiên cứu về xã hội hoá về giới của trẻ em gái nông thôn Việt Nam*.
4. Lê Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2000). *Xã hội học về giới và phát triển*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Xuân Nghĩa (2000). *Quá trình xã hội hoá về giới ở trẻ em*. Ban xuất bản Đại học Mở bán công TP. Hồ Chí Minh.